

# THỰC TRẠNG SẢN XUẤT RAU VIETGAP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VÀ TỈNH QUẢNG NAM

LƯƠNG TINH\*  
ĐOÀN GIA DŨNG\*\*

**Tóm tắt:** Quy trình VietGAP cho sản xuất rau, quả an toàn tại Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 1 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Dựa trên báo cáo của các sở ban ngành và dữ liệu khảo sát 294 hộ nông dân tại 2 địa phương Đà Nẵng và Quảng Nam. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng sản xuất và áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất rau của nông hộ, từ đó để xuất một số kiến nghị đối với các chủ thể liên quan.

**Từ khóa:** rau an toàn, quy trình VietGAP, nông hộ, Quảng Nam, Đà Nẵng.

**Abstract:** VietGap standards for safe vegetable production in Viet Nam was issued pursuant to Decision No.379/QĐ-BNN-KHCN dated 28 January 2008 by the Minister of Ministry of Agriculture and Rural Development. The research aims at analyzing the real situation of producing and applying VietGap standards for the farm households' vegetable production. Based on reports from various local departments and survey data collected from 294 households in Da Nang and Quang Nam province, the author proposes some good and sound recommendations for related subjects.

**Key words:** safe vegetables, VietGap standards, farm households, Quang Nam province, Da Nang.

**Ngày nhận bài:** 05/6/2017; **Ngày duyệt đăng:** 15/8/2017.

## Đặt vấn đề

Rau là một thành phần không thể thiếu trong bữa ăn gia đình và việc sử dụng rau an toàn đang là một trong những nhu cầu bức thiết trong xã hội hiện nay. Tuy nhiên, thực tế bài toán sản xuất - tiêu thụ rau an toàn theo hướng VietGAP trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng hiện vẫn đang tồn tại nhiều vấn đề khá nan giải và mâu thuẫn. Bởi vì, để có được rau an toàn không đơn giản chỉ là vấn đề kỹ thuật nông nghiệp mà còn bao gồm nhiều nội dung khá phức tạp như điều kiện tự nhiên, thị trường, chính sách hỗ trợ của chính quyền... Việc sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP là mối quan tâm hàng đầu của các cấp chính

quyền của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng hiện nay, khi mà vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đang ở mức báo động. Hơn nữa, xu thế phát triển mô hình rau VietGAP đã nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của chính người nông dân và xã hội do những lợi ích về môi trường, sức khỏe, mức sống... Tuy nhiên, cho đến nay, việc đánh giá tổng kết mô hình rau VietGAP chỉ giới hạn trong các báo cáo của các nhà quản lý địa phương. Phần lớn các báo cáo dựa vào những số liệu thống kê như tình hình hỗ trợ, diện tích, sản lượng rau VietGAP mà chưa đi sâu phân tích tình hình áp dụng tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất rau của nông hộ. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng sản xuất và đánh giá một cách đầy đủ tình hình áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất rau của nông hộ tại tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

\* Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ.

Email: luongtinha@gmail.com.

\*\* Trường Đại học Đà Nẵng.

## 1. Phương pháp nghiên cứu

Sau khi được sự tư vấn của các nhân viên thuộc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng cũng như điều tra tiến trạm, nhóm tác giả quyết định chọn địa bàn nghiên cứu có nhiều hộ tham gia sản xuất rau VietGap gồm 6 khu vực: làng rau Hưng Mỹ, Làng Châu Bắc, Bàu Tròn thuộc tỉnh Quảng Nam và La Hường, Yên Nê, Túy Loan thuộc thành phố Đà Nẵng.

Tài liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, Trung tâm Khuyến nông, Hợp tác xã. Tài liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 294 nông hộ ở 6 khu vực sản xuất trên trong thời gian vụ Đông Xuân năm 2015-2016. Nội dung bảng hỏi bao gồm điều kiện sản xuất, tình hình áp dụng mười hai tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất rau.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng sản xuất rau theo tiêu chuẩn

VietGAP của nông hộ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

## 2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 2.1. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ rau VietGAP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam

#### 2.1.1. Thực trạng sản xuất VietGAP trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam

Thực hiện Quyết định số 4113/QĐ-UB ngày 7/7/2003 của UBND thành phố Đà Nẵng, từ năm 2003 thành phố Đà Nẵng đã triển khai đầu tư các vùng chuyên canh rau an toàn và đã hình thành các vùng chuyên canh rau sản xuất tập trung tại 04 quận, huyện trên địa bàn thành phố. Tính đến năm 2016, diện tích sản xuất tại các vùng rau an toàn tại thành phố là 109,6 ha, phân bố tại 08 vùng sản xuất được quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng (trong đó có 02 vùng trồng rau chuyên canh quanh năm là Cẩm Nê và Túy Loan, số lần canh tác của 02 vùng này từ 5 - 6 lần/vụ và 06 vùng sản xuất rau an toàn tập trung khác (chi tiết ở bảng 1).

**Bảng 1. Diện tích sản xuất của các vùng rau an toàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

STT	Vùng rau	Diện tích (ha)
<b>Vùng rau an toàn được quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng</b>		
1	Túy Loan Tây - Hòa Phong	14,5
2	Thạch Nham Tây - Hòa Nhơn	9
3	Phú Sơn 2,3 - Hòa Khương	10,5
4	Phú Sơn Nam - Hòa Khương	10,0
5	Vùng rau cánh đồng 19/8 - Hòa Khương	7,4
6	Yên Nê - Hòa Tiến	15,70
7	Cẩm Nê - Hòa Tiến	
8	La Hường - Hòa Thọ Đông	12
<b>Vùng rau an toàn sản xuất tập trung khác</b>		
1	Mỹ An	11
2	Sơn Thủy	8
3	Hòa Hiệp Nam	7
4	Hòa Khánh Nam	1
5	Phước Hưng - Hòa Nhơn	1
6	Ninh An - Hòa Nhơn	2,5
<b>Tổng cộng</b>		109,6

(Nguồn: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật Đà Nẵng, 2016).

Những con số trên cho thấy kể cả hai vùng chuyên canh rau an toàn cũng không khai thác hết diện tích trồng rau; diện tích canh tác rau an toàn vẫn nhỏ hơn nhiều lần so với diện tích trồng rau của toàn thành phố, diện tích vùng sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP của thành phố vẫn còn rất khiêm tốn. Theo báo cáo của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật Đà Nẵng, diện tích các vùng rau được chứng nhận VietGAP đã giảm từ 13,725 ha trong năm 2014 xuống còn 11 ha trong năm 2016. Tính đến hết năm 2016, diện tích trồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP chỉ chiếm 3,4% tổng diện tích trồng rau của thành phố.

Trong khi đó, theo kết quả điều tra của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh

Quảng Nam, hiện trên toàn tỉnh có 20 vùng quy hoạch đạt yêu cầu và tiêu chí để phát triển rau theo hướng an toàn, VietGAP với tổng diện tích là 262,59 ha; chiếm 2,17% diện tích trồng rau trên toàn tỉnh (bảng 2). Tuy nhiên, trong số 20 vùng được quy hoạch hiện chỉ có 04 vùng đang sản xuất rau VietGAP gồm: Hưng Mỹ, Lang Châu Bắc, Bàu Tròn, Đại Phong. Trong đó, có 02 vùng có giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực do Trung tâm Kiểm định chất lượng vùng II cấp, 02 vùng còn lại có giấy chứng nhận VietGAP nhưng đã hết hiệu lực do không có kinh phí để đánh giá giám sát định kỳ tiếp theo. Đặc biệt, hợp tác xã rau sạch Mỹ Hương (thôn Hưng Mỹ, xã Bình Triều, huyện Thăng Bình) được tổ chức JICA hỗ trợ, đã duy trì hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn

**Bảng 2. Vùng đạt yêu cầu về tiêu chí phát triển rau theo hướng VietGAP tại tỉnh Quảng Nam**

TT	Địa phương	Số địa điểm	Vùng quy hoạch	Diện tích (ha)
1	Thị xã Hội An	01	- Đồng Trà Quế - Cẩm Hà	20
2	Huyện Điện Bàn	03	- Thôn Tây An - Điện Phong	10
			- Thôn Khúc Lũy - Điện Minh	8.50
			- Thôn 8B - Điện Nam Trung	7.10
3	Huyện Đại Lộc	02	- Đồng Bàu Tròn - Đại An	34.50
			- Đồng Thuận Mỹ - Đại Phong	7.
4	Huyện Duy Xuyên	03	- Đồng Lệ Sơn - Duy Nghĩa	4.60
			- Đồng Bà Thu - Duy Phước	10.30
			- Đồng Minh Khánh - Duy Trung	35.50
5	Huyện Quế Sơn	01	- Thôn 2 A - Quế Phú	25.90
6	Huyện Thăng Bình	04	- Thôn Hưng Mỹ - Bình Triều	23.96
			- Thôn Châu Khê - Bình Sa	7.5
			- Thôn 2B - Bình Giang	9.3
			- Quý Hương - Bình Quý	12.
7	Thành phố Tam Kỳ	03	- Khối phố 2 - Trường Xuân	6.63
			- Thôn Đồng Hành - Tam Ngọc	5.0
			- Khối phố Hương Sơn - Hoà Hương	4.8
8	Huyện Núi Thành	03	- Đồng Đế - Tam Anh Nam	10
			- Đồng Xuân - Tam Giang	10
			- Thôn Phú Bình - Tam Xuân I	10
<b>Tổng</b>		<b>20</b>		<b>262.59</b>

(Nguồn: Khảo sát của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh Quảng Nam, 2015).

VietGAP, đồng thời xây dựng được hai cửa hàng bán rau tại thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng, nhưng mức tiêu thụ còn hạn chế.

Ở các vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, các loại cây trồng được chứng nhận gồm các loại rau ăn quả và rau ăn lá: rau muống, mồng tơi, cải xanh, dền, ngò, bí đao, bí đỏ, mướp, bầu, cải ngọt, măng tây, đậu đũa, ớt, rau quế, rau húng, rau ngót, khổ qua, cà tím, diếp cá, hành lá, dưa leo, xà lách.

Thời vụ sản xuất của rau VietGAP và rau thông thường nhìn chung là như nhau. Qua thực tiễn sản xuất ở các vùng chuyên canh rau tập trung cũng như các vùng áp dụng quy trình VietGAP trên địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng, có thể nói các loại rau được trồng quanh năm, nhưng vụ trồng chính vẫn là vụ Đông Xuân. Đây là vụ trồng được nhiều loại rau, từ rau ăn lá đến rau ăn quả, do thời tiết thuận lợi hơn. Tuy nhiên, giá bán rau trong vụ Đông Xuân thường thấp hơn các vụ khác, thường chỉ bằng 50-60% giá so với vụ Hè Thu, đây là nghịch lý thường diễn ra: *được mùa mất giá, được giá mất mùa* của bà con nông dân.

Năng suất của các sản phẩm rau củ quả trên địa bàn nghiên cứu không đồng đều và phụ thuộc vào vụ mùa của mỗi địa phương. So với mức bình quân chung, một số địa bàn có năng suất tương đối cao, khoảng

240 tấn/ha như Bàu Tròn – Đại An, Tây An – Đại Phong, do nơi đây là vùng chuyên sản xuất củ quả nên sản lượng tương đối cao. Ngược lại, những vùng chuyên sản xuất rau như La Hường, Yến Nê, Hưng Mỹ thì năng suất dao động từ 140 – 160 tấn/ha.

### 2.1.2. Tình hình hỗ trợ đầu tư, tập huấn kỹ thuật

Trong giai đoạn từ 2011 – 2016, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Đà Nẵng đã tổ chức 110 lớp tập huấn với 3.725 lượt người tham dự là các cán bộ hợp tác xã và nông dân trực tiếp sản xuất rau VietGAP tại địa phương (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật thành phố Đà Nẵng, 2016).

Giai đoạn 2010 – 2016, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tại tỉnh Quảng Nam đã đào tạo nguồn giảng viên về chương trình VietGAP cho 20 cán bộ khuyến nông viên cơ sở (trình độ đại học trở lên). Đây là lực lượng nòng cốt thường xuyên tham gia chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người sản xuất. Chi cục cũng đã tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ đầu vào cho 40 học viên là đại diện của các đại lý kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn và mở 98 lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất rau an toàn theo hướng VietGAP cho nông dân trực tiếp sản xuất rau với hơn 3.920 lượt người tham dự (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh Quảng Nam, 2016).

**Bảng 3. Diện tích, sản lượng, năng suất rau VietGAP**

	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tấn/ha)
La Hường	12	1920	160
Yến Nê- Hòa Tiến	15,7	2260,8	144
Túy Loan – Hòa Phong	14,5	2088	144
Hưng Mỹ - Bình Triều	11	1848	168
Lang Châu Bắc – Duy Phước	6	960	160
Bàu Tròn – Đại An	24	5760	240
Thôn Tây An – Đại Phong	6	1200	200

(Nguồn: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, 2015).

Nhìn chung, các lớp tập huấn giúp bà con nông dân nắm được những kiến thức về kỹ thuật trồng rau VietGAP như: hướng dẫn sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP từ khâu làm đất, chọn thời vụ, bón phân, tưới nước, chăm sóc, kỹ thuật trồng luân canh, bố trí cây trồng hợp lý và phòng trừ sâu bệnh hại một cách khoa học và hiệu quả đến việc ghi chép... Với những nông dân lần đầu tiên tham gia sản xuất rau theo hướng chuyên canh, đặc biệt sản xuất trong nhà lưới cải tiến còn nhiều bỡ ngỡ, nhưng dưới sự hướng dẫn tận tình của cán bộ kỹ thuật, người dân đã nắm được kỹ thuật từ khâu làm đất, ươm giống, gieo hạt, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh... Các lớp tập huấn được tổ chức theo hình thức học lý thuyết tại chỗ và hướng dẫn thực hành tại đồng ruộng nhằm giúp bà con nắm rõ kiến thức thực tế để tự xử lý những tình huống phát sinh trong quá trình sản xuất. Kết quả học tập được áp dụng ngay vào sản xuất tại chỗ, nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, an toàn.

### 2.1.3. Tình hình tiêu thụ rau VietGAP

Nhu cầu về rau của thành phố Đà Nẵng rất lớn, khoảng 60.000 đến 65.000 tấn/năm, nhưng lượng rau sản xuất của thành phố chỉ đạt khoảng 9.000 đến 10.000 tấn. Trong đó, lượng rau được sản xuất tại các vùng rau an toàn chỉ chừng 2.900 tấn/năm chỉ đáp ứng được 5% nhu cầu. Tuy nhiên số lượng rau ít ỏi này lại rất khó khăn trong việc tiêu thụ. Chỉ 10% số rau được các hợp tác xã sản xuất rau an toàn kết nối cung cấp cho các cửa hàng, trường học, 80% được bán cho tiểu thương chợ đầu mối và số còn lại do nông dân tự bán (Lê Hoa, 2017).

Trong khi đó, việc tiêu thụ rau VietGAP tại Quảng Nam cũng không mấy khả quan. Năm 2012 – 2014, Công ty TNHH Việt Thiên Ngân không chỉ đứng ra bao tiêu sản phẩm mà còn đưa kỹ thuật viên trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ bà con tại cánh đồng, cung ứng giống, phân bón đến vùng... do vậy mà

trong thời gian đó rau sạch của vùng Lang Châu Bắc, Bàn Tròn và Hùng Mỹ đã được các siêu thị Co.opMart Tam Kỳ, Co.opMart Đà Nẵng, BigC Đà Nẵng ký kết hợp đồng tiêu thụ. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hiện công ty này đã ngừng ký hợp đồng với nông dân, dẫn đến đầu ra của rau VietGAP bấp bênh, nông dân không còn mặn mà. Theo Ông Nguyễn Thiện - Chủ tịch UBND xã Duy Phước cho hay: *"Sản phẩm không thiếu nhưng thị trường tiêu thụ còn bấp bênh. Toàn thôn có 16 hộ tham gia làm VietGAP, nhưng do sức tiêu thụ và giá cả rau VietGAP không đảm bảo, bà con đã chạy theo sản xuất theo hướng truyền thống để dễ tiêu thụ"* (Văn Việt, Thanh Thắng, 2017).

Nhìn chung, việc sản xuất rau an toàn tại hai địa phương Quảng Nam và Đà Nẵng vẫn còn ở quy mô nhỏ và hoàn toàn chưa đáp ứng được nhu cầu rau an toàn của người dân.

### 2.2. Tình hình áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất rau của nông hộ tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam

Qua khảo sát thực tế tại địa bàn nghiên cứu cho thấy, khu vực sản xuất cách xa khu vực có chất thải công nghiệp nặng, bệnh viện và xa nghĩa trang. Như vậy vùng sản xuất đảm bảo yêu cầu sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

Chất lượng cây giống có ý nghĩa rất quan trọng đối với hiệu quả sản xuất. Theo tiêu chuẩn VietGAP, đối với hộ mua giống phải có giấy chứng nhận, còn đối với hộ tự để giống phải có hồ sơ ghi chép các biện pháp xử lý hạt giống, cây con giống. Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 174 hộ (chiếm 60%) phải đi mua giống tại các quầy thuốc BTVT được hợp tác xã hay Trung tâm khuyến nông chỉ định, 100% trong số đó đều có giấy chứng nhận khi mua. Các loại cây giống thường phải mua như: cải mầm, rau muống, bí đao, bí đỏ, mướp, dưa leo, đậu đũa, ớt, mồng tơi. Còn 114 hộ (chiếm 40%) tự để giống, tuy

nhiên, các hộ này lại hoàn toàn không áp dụng việc ghi chép các biện pháp xử lý hạt giống, cây giống. Các loại giống cây tự để giống chủ yếu là cải bắp, ngô, đậu bắp, xà lách, cải bẹ trắng, khổ qua. Theo kết quả khảo sát, 60% hộ đi mua giống có nguồn gốc rõ ràng, cơ bản đáp ứng được tiêu chí về cây giống theo tiêu chuẩn VietGAP.

Đất để trồng rau theo tiêu chuẩn Vietgap phải là đất cao, thoát nước tốt, thích hợp với quá trình sinh trưởng, phát triển của rau. Đất có chứa hàm lượng nhỏ kim loại nhưng không được tồn dư hóa chất độc hại. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, hầu hết các hộ có đất sản xuất thoát nước tốt, đất ở các khu vực này chủ yếu là đất cát hoặc đất cát pha, hơn nữa khu vực sản xuất đều xa nghĩa trang, bệnh viện và xa các khu công nghiệp nên đất canh tác ở đây rất phù hợp cho phát triển rau theo tiêu chuẩn VietGAP và được Trung tâm Kiểm định chất lượng vùng II kiểm định đạt yêu cầu.

Theo tiêu chuẩn VietGAP, nước tưới cho rau phải là nước lấy từ nguồn nước sạch, không bị ô nhiễm hay chứa hóa chất độc hại cho đất, rau và không gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Qua khảo sát cho thấy, nguồn nước chính sử dụng cho việc tưới tiêu là giếng khoan. 100% các nguồn nước đều đảm bảo cho việc tưới tiêu và nước rửa dụng cụ sản xuất không chảy qua vùng sản xuất. Tuy nhiên, 100% các hộ trong diện khảo sát đã xả thải trực tiếp ra môi trường, điều này ảnh hưởng đến chất lượng cây rau và cuộc sống người dân.

Việc sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật (BTV) ngày càng quan trọng đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Theo kết quả khảo sát cho thấy, trước khi chọn nguồn thuốc thì người nông dân có tham khảo ý kiến của người có chuyên môn, các hộ thỉnh thoảng mới hỏi ý kiến trước khi áp dụng chỉ có 15%. Các nội dung như: sau mỗi lần phun thuốc, dụng cụ phải được vệ sinh sạch sẽ và thường xuyên bảo dưỡng. Các hỗn hợp

hóa chất và thuốc BTV dùng không hết được xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, thời gian cách ly phải đảm bảo theo đúng hướng dẫn sử dụng thuốc BTV ghi trên bao bì, sử dụng hóa chất theo đúng sự hướng dẫn ghi trên nhãn hoặc hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sử dụng thuốc trong danh mục được phép sử dụng cho từng loại rau, quả tại Việt Nam, thì 100% các hộ được hỏi trả lời hoàn toàn áp dụng. Tuy nhiên, lưu giữ hồ sơ các hóa chất khi mua và khi sử dụng; ghi chép các hóa chất đã sử dụng cho từng vụ như: tên hóa chất, lý do, số lượng, thời gian, liều lượng, phương pháp, thời gian cách ly, tên người sử dụng thì đa số các hộ hoàn toàn không áp dụng. Điều đó cho thấy, việc ghi chép đối với các hộ nông dân là công việc rất khó thực hiện, ảnh hưởng không nhỏ đến việc quản lý chất lượng cây rau theo tiêu chuẩn VietGAP.

Việc bảo quản giống cây trồng giữ vai trò quan trọng trong việc giảm tổn thất sau thu hoạch và đảm bảo chất lượng rau củ. Qua khảo sát cho thấy, các nội dung sau đều được các hộ áp dụng hoàn toàn như: Sản phẩm sau khi thu hoạch không để trực tiếp với đất và không để qua đêm; Thiết bị, thùng chứa rau phải được làm từ các nguyên liệu không gây ô nhiễm lên sản phẩm; Thiết bị, thùng chứa rau phải đảm bảo chắc chắn và vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng; Nước sử dụng cho xử lý rau sau thu hoạch phải đảm bảo; Phương tiện vận chuyển được làm sạch trước khi xếp thùng chứa sản phẩm; Không bảo quản và vận chuyển sản phẩm chung với các hàng hóa có nguy cơ gây ô nhiễm sản phẩm. Tuy nhiên, bảng nội quy vệ sinh cá nhân phải được đặt nơi dễ thấy thì đa số các hộ không áp dụng. Chỉ có 36% các hộ áp dụng khá thường xuyên hệ thống xử lý rác thải và hệ thống thoát nước nhằm tránh gây ô nhiễm cho nguồn nước và vùng sản xuất, số còn lại là tương đối áp dụng và thỉnh thoảng mới áp dụng nội dung này.

Việc thu gom chất thải hàng ngày và chuyển đến nơi xử lý được khoảng 15% các hộ khá thường xuyên áp dụng, còn lại không áp dụng chiếm 10% và thỉnh thoảng mới áp dụng chiếm 75%.

Theo tiêu chuẩn VietGAP, việc ghi chép nhật ký đồng ruộng, nhật ký quản lý phải được thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 45% các hộ là tương đối ghi chép đầy đủ nhật ký về hóa chất, thuốc BVTV, 12% các hộ thỉnh thoảng có ghi chép, còn lại là các hộ hoàn toàn không ghi chép. Đối với tiêu chí ghi chép đầy đủ về mua bán sản phẩm, và ghi chép đầy đủ nhật ký sản xuất các hộ hoàn toàn không có ghi chép chiếm 100%. Điều này cho thấy tiêu chí ghi chép nhật ký sản xuất rất ít được các hộ quan tâm áp dụng.

Kết quả khảo sát cho thấy, các nông hộ hoàn toàn không áp dụng hai nội dung: có mẫu đơn khiếu kiện và lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng (tiêu chí khiếu nại và giải quyết tố cáo).

### **3. Một số đề xuất kiến nghị**

#### **3.1. Đối với người sản xuất**

Người nông dân cần nhận thức rõ về vai trò của việc sản xuất rau an toàn VietGAP, trước hết là đối với sức khỏe của chính bản thân, kế đến là mang lại sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng. Chính vì vậy, người nông dân cần chủ động tìm hiểu các hình thức canh tác thân thiện với môi trường, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất rau nói riêng, tìm hiểu tác hại của việc sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc BVTV không đúng liều lượng, quy trình.

Các hộ nông dân cần liên kết với nhau để mở rộng quy mô sản xuất, nhằm tăng cường khả năng cung ứng cho thị trường. Mặt khác, các hộ nông dân cũng cần mở rộng liên kết với các doanh nghiệp trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để chủ động thị trường.

#### **3.2. Đối với chính quyền địa phương**

Chính quyền địa phương cần xây dựng những chính sách hấp dẫn, thu hút các doanh nghiệp đến đầu tư tại các vùng quy hoạch như: vùng sản xuất rau theo mô hình VietGAP tại xã Điện Dương; các vùng trồng hoa ở xã Điện Nam Trung, Điện Nam Bắc, Bàu Tròn, Cẩm Nê..... Quy hoạch các vùng sản xuất rau an toàn, rau theo hướng VietGAP tập trung, ổn định, đảm bảo đủ sản lượng cung cấp cho thị trường.

Tăng cường kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất rau của các hộ nông dân. Tăng cường thanh kiểm tra giám sát các bếp ăn tập thể ở các doanh nghiệp may, trường học, quân đội... Đồng thời, khuyến khích sử dụng sản phẩm rau an toàn chất lượng. Đẩy mạnh thương mại điện tử, triển khai xây dựng hệ thống thông tin tuyên truyền nhằm giới thiệu quảng bá sản phẩm.

Chính quyền các cấp cần vận động, khuyến khích bà con nông dân tuân thủ nghiêm túc các quy định, tiêu chuẩn sản xuất rau VietGAP song song với việc truyền truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng như các kênh truyền hình DTV, DRT, QRT nhằm nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc áp dụng quy trình VietGAP trong bối cảnh hiện nay.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (2008), *Quyết định số 379/QĐ-BNN-KHCN, Ban hành quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn.*
2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật thành phố Đà Nẵng (2016), *Báo cáo số 17/BC-TTBVT: Tình hình sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.*
3. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh Quảng Nam (2016), *Báo cáo số 15/BC-TTBVT: Tình hình sản xuất rau an toàn trên*

địa bàn tỉnh Quảng Nam.

4. Ngô Đức Cát và Vũ Đình Thắng (chủ biên, 2001), "Phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản", in trong giáo trình *Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn*, Nxb Thống kê, Hà Nội, chương II.

5. Lê Hoa (2017), Xây dựng thương hiệu vùng rau an toàn của Đà Nẵng, trên website <http://danang.gov.vn/chinh-quyen/chi-tiet?id=6992&c=3> cập nhật ngày 16 tháng 6 năm 2017.

6. Nguyễn Trọng Hoài (2010), *Kinh tế phát triển*, Nxb Lao Động, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Đinh Phi Hổ (2008), *Kinh tế học nông nghiệp bền vững*, Nxb Phương Đông, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2014), "Rủi ro thị trường trong sản xuất nông nghiệp của nông hộ ở Đồng bằng Sông Cửu Long", tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, số 33, trang 38-44.

9. Phạm Anh Ngọc (2008), *Phát triển kinh*

*tế hộ nông dân ở huyện Phú Lương trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, luận văn Thạc sĩ Kinh tế, trường Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

10. Lê Đình Thắng (1993), *Phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hóa*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

11. Ngô Thị Thuận (2010), "VietGAP trong sản xuất rau an toàn ở thành phố Hà Nội", tạp chí *Khoa học và Phát triển*, tập 8, số 6, tr.1029-1036.

12. Nguyễn Đức Truyền (2001), "Kinh tế hộ gia đình và các quan hệ xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Hồng", tạp chí Xã hội học, số 2 (74), tr.23-30.

13. Đào Thế Tuấn (1997), *Kinh tế hộ nông dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. Văn Việt, Thanh Thắng (2017), *Mô hình rau sạch của phụ nữ Tam Thạnh*, trên website <http://baoquangnam.vn/kinh-te/nong-nghiep-nong-thon/201311/rau-VietGap-van-con-xa-413886> cập nhật ngày 20 tháng 7 năm 2017.

